

THÔNG BÁO

**Về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022
(Đợt 2)**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12572/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (Đợt 2);

Ủy ban nhân dân Quận 12 thông báo Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (Đợt 2) như sau:

I. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CẦN TUYỂN

Chỉ tiêu tuyển dụng cụ thể cho các vị trí việc làm tại các đơn vị theo Phụ lục đính kèm.

Để biết thêm chi tiết, người dự tuyển xem trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận tại địa chỉ: <http://www.quan12.hochiminhcity.gov.vn> hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://www.pgdquan12.hcm.edu.vn>.

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ HỒ SƠ ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện dự tuyển viên chức

Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức năm 2010, được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019. Cụ thể:

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, loại hình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, trường công lập, trường ngoài công lập được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;

d) Có lý lịch rõ ràng;

đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển; trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

2.1. Vị trí dự tuyển giáo viên mầm non (chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng III; mã số V.07.02.26)

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (đối với giáo viên mầm non mới được tuyển dụng vào giáo viên mầm non hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng).

2.2. Vị trí dự tuyển giáo viên tiểu học (chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng III; mã số V.07.03.29)

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (đối với giáo viên tiểu học mới được tuyển dụng vào giáo viên tiểu học hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng).

2.3. Vị trí dự tuyển giáo viên trung học cơ sở (chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng III; mã số V.07.04.32)

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (đối với giáo viên trung học cơ sở mới được tuyển dụng vào giáo viên trung học cơ sở hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng).

2.4. Vị trí dự tuyển giáo viên trung học phổ thông (chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng III; mã số V.07.05.15)

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (đối với giáo viên trung học phổ thông mới được tuyển dụng vào giáo viên trung học phổ thông hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng).

2.5. Vị trí dự tuyển giáo viên trường chuyên biệt (chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng III; mã số V.07.03.29)

a) Có bằng cử nhân chuyên ngành giáo dục đặc biệt hoặc cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (đối với giáo viên tiểu học mới được tuyển dụng vào giáo viên tiểu học hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng).

2.6. Vị trí dự tuyển nhân viên y tế (chức danh nghề nghiệp Y sĩ (hạng IV); mã số V.08.03.07)

Có bằng tốt nghiệp y sĩ trình độ trung cấp.

2.7. Vị trí dự tuyển nhân viên văn thư (chức danh nghề nghiệp Văn thư viên trung cấp; mã số 02.008)

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

2.8. Vị trí dự tuyển nhân viên thư viện (chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV; mã số V.10.02.07)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

2.9. Vị trí dự tuyển nhân viên thiết bị, thí nghiệm (chức danh nghề nghiệp Nhân viên thiết bị, thí nghiệm; mã số V.07.07.20)

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên thiết bị, thí nghiệm.

2.10. Vị trí dự tuyển nhân viên công nghệ thông tin (theo chức danh nghề nghiệp Công nghệ thông tin hạng IV; mã số V.11.06.15)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

2.11. Đối với vị trí nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (chức danh nghề nghiệp Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV); mã số V.07.06.16)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, y tế, công tác xã hội, tâm lý và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học

3.1. Tiêu chuẩn về ngoại ngữ

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản có liên quan¹, việc quy đổi các bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ được thực hiện như sau:

- Đối với tiếng Anh:

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương									
	Chứng chỉ theo QĐ 177 ²	Chứng chỉ theo QĐ 66 và TT 28 ³	IELTS	TOEFL			TOEIC	Chứng chỉ khác		
				PBT	CBT	iBT		GE	BEC	BULAS
Bậc 1	Trình độ A	A1	2.0				120	Preliminary KET		

¹ Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC; Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

² Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C.

³ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành và Thông tư số 28/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương									
	Chứng chỉ theo QĐ 177 ²	Chứng chỉ theo QĐ 66 và TT 28 ³	IELTS	TOEFL			TOEIC	Chứng chỉ khác		
				PBT	CBT	iBT		GE	BEC	BULAS
Bậc 2	Trình độ B	A2	3.0			40	225	Preliminary PET		20
Bậc 3	Trình độ C	B1	4 - 4.5	450	133	45	450	PCE	Business Preliminary	40
Bậc 4		B2	5 - 6	500	173	61	600	CAE	Business Vantage	60
Bậc 5		C1	6.5 - 7.5			90	850	CPE	Business Higher	75
Bậc 6		C2	8 - 9							90

(Điểm số trên là điểm tối thiểu đạt được ở mỗi trình độ)

- Đối với ngoại ngữ khác (chỉ công nhận 04 ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Trung Quốc):

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương				
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Bậc 1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp độ 1	JLPT N5
Bậc 2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp độ 2	JLPT N5
Bậc 3	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
Bậc 4	TRKI 2	DELTA B1 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3
Bậc 5	TRKI 3	DALF C1		HSK cấp độ 5	JLPT N2
Bậc 6	TRKI 4	DALF C2		HSK cấp độ 6	JLPT N1

*** Lưu ý:**

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp **sau ngày 15 tháng 9 năm 2019** phải theo danh mục các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ do Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*chứng chỉ ngoại ngữ A, B, C*) phải được cấp trước ngày 15 tháng 01 năm 2020⁴.

- Danh sách các đơn vị được tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông báo 297/TB-QLCL ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Tiêu chuẩn về tin học

- Người dự tuyển vào các vị trí nhân viên phải nộp **chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản** theo quy định⁵.

- Nếu người dự tuyển vào các vị trí nhân viên đang **có chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp trước ngày 10 tháng 8 năm 2016** thì được công nhận tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản⁶.

- Danh sách các đơn vị được tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông báo 297/TB-QLCL ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp 02 bộ hồ sơ gồm:

4.1. Phiếu đăng ký dự tuyển có dán ảnh 4x6 cm (theo mẫu đính kèm). Người dự tuyển có thể tải mẫu phiếu trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận tại địa chỉ: <http://www.quan12.hochiminhcity.gov.vn> hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://www.pgdquan12.hcm.edu.vn>.

4.2. Bản sao Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên (nếu có).

Lưu ý: Người dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí tuyển dụng, nếu người dự tuyển nộp hồ sơ từ 02 vị trí tuyển dụng trở lên sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển.

III. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

1. Hình thức tuyển dụng

Thông qua hình thức xét tuyển (phỏng vấn): Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

⁴ Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁵ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

⁶ Khoản 2 Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung tuyển dụng

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

2.1. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2.2. Vòng 2

a) Hình thức xét tuyển: Phỏng vấn.

b) Nội dung xét tuyển: Kiểm tra về kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian phỏng vấn: 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị).

d) Thang điểm: 100 điểm.

đ) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

IV. ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thực hành tại vòng 2.

2. Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm tại vòng 2.

V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện như sau:

- a) Có kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VI. THỜI GIAN, MỨC THU PHÍ VÀ ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian nhận hồ sơ

1.1. Trong giờ hành chính (trừ thứ Bảy và Chủ nhật): **Từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 đến 17 giờ ngày 23 tháng 02 năm 2023.**

- Buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút;
- Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

1.2. Mức thu phí tuyển dụng: **400.000 đồng/thí sinh/lần.**

2. Địa điểm nhận hồ sơ

2.1. Đối với người dự tuyển vào các vị trí tuyển dụng thuộc các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường chuyên biệt, nộp hồ sơ tại địa chỉ:

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12: Số 173/4H đường Nguyễn Thị Đặng, Khu phố 1, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đối với người dự tuyển vào các vị trí tuyển dụng thuộc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 12, nộp hồ sơ tại địa chỉ:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 12: Số 2 Bis đường Tô Ký, Khu phố 3, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

1. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên phối hợp với Phòng Nội vụ và các đơn vị có liên quan hướng dẫn tài liệu ôn tập tương ứng với từng vị trí tuyển dụng.

2. Tổ chức xét tuyển

2.1. Xét tuyển vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển, **thời gian dự kiến ngày 28 tháng 02 năm 2023.**

2.2. Thông báo Danh sách người dự tuyển đủ điều kiện, không đủ điều kiện và triệu tập thí sinh tham dự xét tuyển ở vòng 2, **thời gian dự kiến ngày 10 tháng 3 năm 2023.**

2.3. Xét tuyển vòng 2: Kiểm tra về kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển (thông qua hình thức phỏng vấn), **thời gian dự kiến ngày 28 tháng 3 năm 2023** (Lịch phỏng vấn cụ thể sẽ được thông báo sau).

Địa điểm tổ chức xét tuyển vòng 2: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh, địa chỉ số 19 đường HT11, Khu phố 3, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức: **Thời gian dự kiến ngày 07 tháng 4 năm 2023.**

2.5. Thời gian nhận thông báo công nhận kết quả trúng tuyển: **Dự kiến ngày 14 tháng 4 năm 2023.**

Địa điểm nhận thông báo trúng tuyển: Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, địa chỉ số 173/4H đường Nguyễn Thị Đặng, Khu phố 1, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên đây là Thông báo về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (Đợt 2)./. 

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Quận ủy;
- Lãnh đạo UBND quận;
- Văn phòng UBND quận;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm GDNN - GDTX;
- Các ĐVSN giáo dục công lập;
- Lưu: VT, NV.Hi.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Thị Chính

PHỤ LỤC
CHỨC NGÀNH GIÁO VIÊN
UBND ngày 16 tháng 01 năm 2018
Quy định dạy học viên

[illegible]

TT	Đơn vị	Nhu cầu đăng ký tuyển dụng giáo viên																			Nhu cầu đăng ký tuyển dụng nhân viên									Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng	
		Tổng cộng	Mầm non	Nhiều môn	Toán học	Ngữ văn	Tiếng Anh	Lịch sử	Vật lý	Địa lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Giáo viên làm Tổng phụ trách	Giáo dục công dân	Kỹ thuật công nghiệp	Kỹ thuật nông nghiệp	Kỹ thuật nữ công	Tổng cộng	Văn thư	Kế toán	Y tế	Thủ quỹ	Thư viện	Thiết bị, Thí nghiệm	Công nghệ thông tin		Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
13	Sơn Ca 8	6	6																			1	1							7	
14	Sơn Ca 9	2	2																			0								2	
II	TIỂU HỌC	37	0	11	0	0	7	0	0	0	0	0	7	4	2	2	4	0	0	0	0	11	2	0	6	0	0	0	3	0	48
1	Hà Huy Giáp	5					1						1	1	1	1						1			1					6	
2	Lê Văn Thọ	1					1															0								1	
3	Lý Tự Trọng	4		1			1							1		1						1						1		5	
4	Nguyễn Trãi	0																				1			1					1	
5	Nguyễn An Khương	3					1						1				1					1	1							4	
6	Nguyễn Thái Bình	2		1			1															0								2	
7	Phạm Văn Chiêu	3					2							1								1			1					4	
8	Quang Trung	4		1									1	1			1					2			1				1	6	
9	Trần Quang Cơ	2		2																		0								2	
10	Trần Văn Ôn	4		3									1									1	1							5	
11	Trương Định	4		1									1		1		1					0								4	
12	Võ Văn Tấn	3		2									1									0								3	
13	Võ Thị Sáu	0																				1			1					1	
14	Võ Thị Thừa	2											1				1					2			1				1	4	
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ	70	0	0	2	6	4	2	2	5	0	6	8	4	7	10	3	3	4	2	2	22	2	0	5	0	1	7	7	0	92
1	An Phú Đông	4				1							1			1		1				2					1	1		6	
2	Hà Huy Tập	2													1				1			0								2	

TT	Đơn vị	Nhu cầu đăng ký tuyển dụng giáo viên																		Nhu cầu đăng ký tuyển dụng nhân viên									Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng		
		Tổng cộng	Mầm non	Nhiều môn	Toán học	Ngữ văn	Tiếng Anh	Lịch sử	Vật lý	Địa lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Giáo viên làm Tổng phụ trách	Giáo dục công dân	Kỹ thuật công nghiệp	Kỹ thuật nông nghiệp	Kỹ thuật nữ công	Tổng cộng	Văn thư	Kế toán	Y tế	Thủ quỹ	Thư viện	Thiết bị, Thí nghiệm		Công nghệ thông tin	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
3	Lương Thế Vinh	9						1		2			2	2		1					1	3			1			1	1		12
4	Nguyễn An Ninh	5				2					1				1	1						2			1				1		7
5	Nguyễn Ảnh Thụ	4			1									1	1		1					1							1		5
6	Nguyễn Chí Thanh	4			1							1			1	1						0									4
7	Nguyễn Hiền	4								1			2				1					3	1		1				1		7
8	Nguyễn Huệ	4					1								1	1			1			0									4
9	Nguyễn Vĩnh Nghiệp	3						1				1			1							2			1			1			5
10	Phan Bội Châu	4					2					1	1									0									4
11	Trần Hưng Đạo	8				3				1		1			1	1		1				1						1			9
12	Trần Phú	10							2			1	1			2		1	1	1	1	4	1		1			1	1		14
13	Trần Quang Khải	5								1		1		1					1	1		2						1	1		7
14	Tô Ngọc Vân	4					1								1	1	1					2					1	1			6
V	GIÁO DỤC KHÁC	20	0	7	2	2	2	1	1	1	0	0	1	0	1	1	0	1	0	0	0	10	0	0	1	0	1	1	2	5	30
1	Chuyên biệt Ánh Dương	9		7											1	1						8			1		1		1	5	17
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	11			2	2	2	1	1	1			1					1				2						1	1		13

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12